TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1992 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2019, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa ông Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông và bà Nguyễn Ngọc H không còn sống chung từ tháng 9 năm 2017. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Ngọc H. Con chung có một người tên là Lê Ngọc Đ (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2014, hiện đang do ông nuôi dưỡng Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con

chung và không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 3 năm 2019 bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn sống chung từ tháng 9 năm 2017, đúng như ông Lê Văn H đã khai. Nay bà đồng ý ly hôn ông Lê Văn H.

Về con chung có một người tên là Lê Ngọc Đ (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2014, hiện đang do ông Lê Văn H nuôi dưỡng. Bà đồng ý giao một người con chung cho ông Lê Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc H.

[2] Về hôn nhân: Năm 2013, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cà Mau, nên hôn nhân giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông Lê Văn H giữ y yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc H vì cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Nguyễn Ngọc H có văn bản trình bày ý kiến của mình, bà thừa nhận lời trình bày của ông Lê Văn H về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng và bà Nguyễn Ngọc H đồng ý ly hôn ông Lê Văn H. Đồng thời ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H có văn bản yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải tranh chấp yêu cầu ly hôn giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn H về việc yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Ngọc H là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H thống nhất thỏa thuận giao một người con chung tên là Lê Ngọc Đ (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2014 cho ông Lê Văn H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H là

hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Từ đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H.

[4] Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Cho ly hôn giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Ngọc H như sau: Ông Lê Văn H chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Lê Ngọc Đ (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2014. Ông Lê Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Văn H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0019069 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông Lê Văn H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã Đ, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đời